

UBND HUYỆN THANH TRÌ
TRƯỜNG TH TẠ HOÀNG CƠ

Số: 129../QĐ-THTHC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Trì, ngày 10 tháng 06 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai đối với cơ sở giáo dục đào tạo năm học 2023-2024
của trường Tiểu học Tạ Hoàng Cơ**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC TẠ HOÀNG CƠ

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công khai đối với cơ sở giáo dục đào tạo năm học 2023-2024 của trường Tiểu học Tạ Hoàng Cơ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. BGH nhà trường và các bộ phận khác có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Kế toán;
- Lưu VT;

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Bảy

UBND HUYỆN THANH TRÌ
TRƯỜNG TH TẠ HOÀNG CƠ

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Theo KH tuyển sinh hàng năm đảm bảo tuyển 100% số trẻ đúng tuổi tại địa bàn được phân bổ (Kể cả HS tạm trú trên địa bàn)				
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Khối 1-2-3-4: Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông 2018 Khối 5: Thực hiện theo quyết định số Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006				
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Giáo viên chủ nhiệm lớp và cha mẹ học sinh thường xuyên liên hệ để cùng chăm lo việc học tập của con em. Tổ chức họp CMHS 3 lần/năm				
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở các cơ sở giáo dục	Trường có 30 phòng học đủ điều kiện về cơ sở vật chất để phục vụ việc học tập 2 buổi/ ngày cho học sinh.				
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Dự kiến kết quả đạt được trong năm: - Hạnh kiểm: 100% HS thực hiện đầy đủ - Học tập: Học sinh hoàn thành đạt từ 99% trở lên - Sức khỏe: 100% HS sức khỏe bình thường (giảm đến mức thấp nhất số học sinh suy dinh dưỡng, béo phì).				
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Trường sẽ phối hợp với chính quyền địa phương để duy trì sĩ số học sinh theo học trong năm tại trường.				

Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2023

Hiệu trưởng



Trần Thị Bảy

THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC - CUỐI NĂM HỌC

Năm học :	2023-2024
Trường :	Tiểu học Tạ Hoàng Cơ

1. Chất lượng giáo dục

[illegible]

[illegible]

Ngôn ngữ	461	461	139	64		104	51		110	52		108	44	
Tốt		386	120	56		81	47		93	47		92	38	
Đạt		75	19	8		23	4		17	5		16	6	
Cần cố gắng														
Tính toán	461	461	139	64		104	51		110	52		108	44	
Tốt		378	116	52		79	46		96	47		87	37	
Đạt		83	23	12		25	5		14	5		21	7	
Cần cố gắng														
Tin học	218	218							110	52		108	44	
Tốt		186							100	49		86	37	
Đạt		32							10	3		22	7	
Cần cố gắng														
Công nghệ	218	218							110	52		108	44	
Tốt		187							100	49		87	37	
Đạt		31							10	3		21	7	
Cần cố gắng														
Khoa học	461	461	139	64		104	51		110	52		108	44	
Tốt		390	127	61		80	46		96	49		87	37	
Đạt		71	12	3		24	5		14	3		21	7	
Cần cố gắng														
Thảm mĩ	461	461	139	64		104	51		110	52		108	44	
Tốt		394	125	61		87	49		97	49		85	37	
Đạt		67	14	3		17	2		13	3		23	7	
Cần cố gắng														
Thể chất	461	461	139	64		104	51		110	52		108	44	
Tốt		400	124	59		86	47		100	50		90	38	
Đạt		61	15	5		18	4		10	2		18	6	
Cần cố gắng														
III. Phẩm chất chủ yếu														
Yêu nước	461	461	139	64		104	51		110	52		108	44	
Tốt		422	134	63		89	50		107	51		92	39	
Đạt		39	5	1		15	1		3	1		16	5	
Cần cố gắng														
Nhân ái	461	461	139	64		104	51		110	52		108	44	
Tốt		419	133	62		89	50		105	51		92	39	
Đạt		42	6	2		15	1		5	1		16	5	
Cần cố gắng														

Chăm chỉ	461	461	139	64		104	51		110	52		108	44	
Tốt		387	119	55		83	47		95	48		90	38	
Đạt		74	20	9		21	4		15	4		18	6	
Cần cố gắng														
Trung thực	461	461	139	64		104	51		110	52		108	44	
Tốt		418	133	63		89	50		104	50		92	39	
Đạt		43	6	1		15	1		6	2		16	5	
Cần cố gắng														
Trách nhiệm	461	461	139	64		104	51		110	52		108	44	
Tốt		397	123	59		86	49		98	48		90	38	
Đạt		64	16	5		18	2		12	4		18	6	
Cần cố gắng														
IV. Đánh giá KQGD	461	461	139	64		104	51		110	52		108	44	
- Hoàn thành xuất		217	65	27		47	28		51	27		54	23	
- Hoàn thành tốt		114	36	20		22	12		33	15		23	10	
- Hoàn thành		130	38	17		35	11		26	10		31	11	
- Chưa hoàn thành														
V. Khen thưởng		333	102	48		69	40		84	42		78	34	
- Giấy khen cấp trường		333	102	48		69	40		84	42		78	34	
- Giấy khen cấp trên														
IV. Chương trình lớp học	461	461	139	64		104	51		110	52		108	44	
Hoàn thành	461	461	139	64		104	51		110	52		108	44	
Chưa hoàn thành														

Liên Ninh, ngày 30 tháng 5 năm 2024



Trần Thị Bảy

UBND HUYỆN THANH TRÌ
TRƯỜNG TH TẠ HOÀNG CƠ

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học,
Năm học 2023 – 2024**

[illegible]

8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0												
		28	0	0	22	3	3	0	16	0	0	0	0	0

Liên Ninh, ngày 30 tháng 5 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Bảy

UBND HUYỆN THANH TRÌ
TRƯỜNG TIỂU HỌC TẠ HOÀNG CƠ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	17/17	19.9 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	30	
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ		-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	11.349	19,9
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	5.919	10,38
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	848	1,48
2	Diện tích thư viện (m ²)	139	0,24
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	569	1
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	67.4	0,118
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	100.2	0,175
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	100.2	0,175
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	67.4	0,118
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	24.4	0,042
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	75	0,13
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	25	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	16	1
1.1	Khối lớp 1	4	1

1.2	Khối lớp 2	3	1
1.3	Khối lớp 3	3	1
1.4	Khối lớp 4	3	1
1.5	Khối lớp 5	3	1
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0
2.1	Khối lớp 1	0	0
2.2	Khối lớp 2	0	0
2.3	Khối lớp 3	0	0
2.4	Khối lớp 4	0	0
2.5	Khối lớp 5	1	0
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	148	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	0	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu Dalite	40	1
5	Thiết bị khác: Đàn organ dành cho học sinh	18	
6	Tai nghe có Micro phòng tiếng anh	74	
X	Nhà bếp		50
XI	Nhà ăn		300

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	306	300	1,02
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3		8/8		0,3
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Thanh Trì, ngày 01 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
TIỂU HỌC
TẠ HOÀNG CỎ
BẢN

Trần Thị Bảy

THÔNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC - CUỐI NĂM HỌC

Năm học :	2023-2024
Trường :	Tiểu học Tạ Hoàng Cơ

1. Chất lượng giáo dục

	Sĩ số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 5		
			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số	
				Nữ	Khuyết tật
I. Kết quả học tập					
1. Tiếng Việt	109	109	109	48	1
Hoàn thành tốt		80	80	40	1
Hoàn thành		29	29	8	
Chưa hoàn thành					
2. Toán	109	109	109	48	1
Hoàn thành tốt		89	89	43	1
Hoàn thành		20	20	5	
Chưa hoàn thành					
3. Đạo đức	109	109	109	48	1
Hoàn thành tốt		85	85	43	1
Hoàn thành		24	24	5	
Chưa hoàn thành					
4. Khoa học	109	109	109	48	1
Hoàn thành tốt		89	89	44	1
Hoàn thành		20	20	4	
Chưa hoàn thành					
5. LS &ĐL	109	109	109	48	1
Hoàn thành tốt		84	84	42	1
Hoàn thành		25	25	6	
Chưa hoàn thành					
6. Âm nhạc	109	109	109	48	1
Hoàn thành tốt		70	70	36	1
Hoàn thành		39	39	12	
Chưa hoàn thành					
7. Mĩ thuật	109	109	109	48	1
Hoàn thành tốt		75	75	40	1
Hoàn thành		34	34	8	
Chưa hoàn thành					
8. Thủ công, Kĩ thuật	109	109	109	48	1
Hoàn thành tốt		74	74	39	1
Hoàn thành		35	35	9	
Chưa hoàn thành					
9. Thể dục	109	109	109	48	1
Hoàn thành tốt		63	63	34	1
Hoàn thành		46	46	14	
Chưa hoàn thành					
10. Ngoại ngữ	109	109	109	48	1
Hoàn thành tốt		70	70	38	1
Hoàn thành		39	39	10	
Chưa hoàn thành					

II. Tin học	109	109	109	48	1
Hoàn thành tốt		70	70	38	1
Hoàn thành		39	39	10	
Chưa hoàn thành					
II. Năng lực					
Tự phục vụ tự quản	109	109	109	48	1
Tốt		82	82	43	1
Đạt		27	27	5	
Cần cố gắng					
Hợp tác	109	109	109	48	1
Tốt		86	86	42	1
Đạt		23	23	6	
Cần cố gắng					
Tự học và giải quyết vấn đề	109	109	109	48	1
Tốt		79	79	40	1
Đạt		30	30	8	
Cần cố gắng					
III. Phẩm chất					
Chăm học chăm làm	109	109	109	48	1
Tốt		81	81	41	1
Đạt		28	28	7	
Cần cố gắng					
Tự tin trách nhiệm	109	109	109	48	1
Tốt		87	87	43	1
Đạt		22	22	5	
Cần cố gắng					
Trung thực kỷ luật	109	109	109	48	1
Tốt		88	88	42	1
Đạt		21	21	6	
Cần cố gắng					
Đoàn kết yêu thương	109	109	109	48	1
Tốt		92	92	45	1
Đạt		17	17	3	
Cần cố gắng					
IV. Khen thưởng		99	99	46	1
- Giấy khen cấp trường		99	99	46	1
- Giấy khen cấp trên					
V. HSDT được trợ giảng					
VI. HS.K.Tật		1	1		1
VII. HS bỏ học kỳ II					
VIII. Chương trình lớp học	109	109	109	48	1
Hoàn thành	109	109	109	48	1
Chưa hoàn thành					

Liên Ninh, ngày 30 tháng 5 năm 2024



Trần Thị Bảy



Được quét bằng CamScanner